

MẪU SỐ 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế)



BÁO CÁO

Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch

(Dùng cho đơn vị cấp nước trong từng lần nội kiểm)

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên đơn vị cấp nước: Xí nghiệp cấp nước Thanh Ba.
2. Địa chỉ: Khu 1- xã Phương Lĩnh – huyện Thanh Ba - Tỉnh Phú Thọ.
3. Công suất thiết kế: 6.000 m³/ngđ / Tổng số HGD được cung cấp nước: 8.516 khách hàng.
4. Nguồn nước nguyên liệu (ghi cụ thể): Nước mặt- Sông Hồng.
5. Thời gian kiểm tra: ngày 05 tháng 04 năm 2023.
6. Người kiểm tra: Nguyễn Anh Đức.
7. Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:

Mẫu 1: Bể chứa trạm bơm Phương Lĩnh - XNCN Thanh Ba.

Mẫu 2: Ông Thủy – khu 11 – TT Thanh Ba.

Mẫu 3: Bà Toàn – Khu 11 – Xã Ninh Dân.

Mẫu 4: Ông Phụng - Khu 12 – Xã Khải Xuân.

B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Sổ theo dõi, sổ quản lý dữ liệu, phiếu đánh giá chất lượng.

C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu Các thông số	1	2	3	4	Giới hạn tối đa cho phép	Đánh giá (đạt/không đạt)
		1.	Coliform (CFU/100 ml)	KPH	KPH		
2.	E.Coli hoặc Conliform chịu nhiệt (CFU/100 mL)	KPH	KPH	KPH	KPH	<1	Đạt
3.	Clo dư tự do (**) (mg/L)	0.60	0.48	0.40	0.21	Trong khoảng 0,2-1,0	Đạt
4.	Độ đục (NTU)	0.20	0.23	0.26	0.27	2	Đạt
5.	Màu sắc (TCU)	4.22	4.28	4.3	4.36	15	Đạt
6.	Mùi, vị	Không	Không	Không	Không	Không có mùi, vị lạ	Đạt
7.	pH	7.63	7.68	7.75	7.78	Trong khoảng 6,0- 8,5	Đạt

- Dấu (*) chỉ áp dụng cho đơn vị cấp nước khai thác nước ngầm.

- Dấu (**) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.

Kết quả phân tích các chỉ tiêu trên đạt kết quả theo tiêu chuẩn, quy chuẩn Bộ y tế:
QCVN01-1:2018/BYT và thông tư 41/Bộ y tế

D. CÁC BIỆN PHÁP KHÁC PHỤC (nếu có): Không

Đ. ĐỀ NGHỊ: Không

Thanh Ba, ngày 05 tháng 04 năm 2023

Người kiểm tra

(Ký, ghi rõ họ tên)

Đức

Nguyễn Anh Đức

MẪU SỐ 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế)



BÁO CÁO

Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch

(Dùng cho đơn vị cấp nước trong từng lần nội kiểm)

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên đơn vị cấp nước: Xí nghiệp cấp nước Đoan Hùng.
2. Địa chỉ: Xã Phú Lâm – Huyện Đoan Hùng - Tỉnh Phú Thọ.
3. Công suất thiết kế: 3000 m³/ngđ/ Tổng số HGD được cung cấp nước: 1624 khách hàng
4. Nguồn nước nguyên liệu (ghi cụ thể): Nước mặt- Sông Chảy.
5. Thời gian kiểm tra: ngày 08 tháng 04 năm 2023.

6. Người kiểm tra: Nguyễn Thị Chính.

7. Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:

Mẫu 1: Bể chứa xí nghiệp cấp nước Đoan Hùng.

Mẫu 2: Nguyễn Văn Nam: Hùng Quan – Hùng Xuyên.

Mẫu 3: Đỗ Đức Việt : Tây Cốc – Đoan Hùng.

Mẫu 4: Bệnh viện đa khoa Hùng Vương.

B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Sổ theo dõi, sổ quản lý dữ liệu, phiếu đánh giá chất lượng.

C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu Các thông số	1	2	3	4	Giới hạn tối đa cho phép	Đánh giá (đạt/không đạt)
		1.	Coliform (CFU/100 ml)	KPH	KPH		
2.	E.Coli hoặc Conliform chịu nhiệt (CFU/100 mL)	KPH	KPH	KPH	KPH	<1	Đạt
3.	Clo dư tự do (**) (mg/L)	0.70	0.37	0.37	0.30	Trong khoảng 0,2-1,0	Đạt
4.	Độ đục (NTU)	0.25	0.26	0.26	0.28	2	Đạt
5.	Màu sắc (TCU)	4.2	4.28	4.28	4.32	15	Đạt
6.	Mùi, vị	Không	Không	Không	Không	Không có mùi, vị lạ	Đạt
7.	pH	7.60	7.60	7.70	7.70	Trong khoảng 6,0- 8,5	Đạt

- Dấu (*) chỉ áp dụng cho đơn vị cấp nước khai thác nước ngầm.

- Dấu (**) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.

Kết quả phân tích các chỉ tiêu trên đạt kết quả theo tiêu chuẩn, quy chuẩn Bộ y tế:

QCVN01-1:2018/BYT và thông tư 41/Bộ y tế

D. CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC (nếu có): Không

Đ. ĐỀ NGHỊ: Không

Đoan Hùng, ngày 08 tháng 04 năm 2023

Người kiểm tra

(Ký, ghi rõ họ tên)

Chinh

Nguyễn Thị Chính

MẪU SỐ 05*(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế)***BÁO CÁO****Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch***(Dùng cho đơn vị cấp nước trong từng lần nội kiểm)***A. THÔNG TIN CHUNG**

1. Tên đơn vị cấp nước: Xí nghiệp cấp nước Phú Thọ.
2. Địa chỉ: Phố Cao Du – Phường Âu Cơ – Thị xã Phú Thọ - Tỉnh Phú Thọ.
3. Công suất thiết kế: 20.000 m³/ngđ / Tổng số HGD được cung cấp nước: 17.466 khách hàng
4. Nguồn nước nguyên liệu (ghi cụ thể): Nước mặt- Sông Hồng.
5. Thời gian kiểm tra: ngày 05 tháng 04 năm 2023.

6. Người kiểm tra: Nguyễn Đức Thắng.

7. Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:

Mẫu 1: Bể chứa xí nghiệp cấp nước Phú Thọ.

Mẫu 2: Trạm y tế Phường Hùng Vương.

Mẫu 3: Trường Mầm non Văn Lung – Khu 10 – Văn Lung.

Mẫu 4: Trần Văn Quang – Khu 7 – Hà Thạch.

B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Sổ theo dõi, sổ quản lý dữ liệu, phiếu đánh giá chất lượng.

C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu Các thông số	1	2	3	4	Giới hạn tối đa cho phép	Đánh giá (đạt/không đạt)
2.	E.Coli hoặc Conliform chịu nhiệt (CFU/100 mL)	KPH	KPH	KPH	KPH	<1	Đạt
3.	Clo dư tự do (**) (mg/L)	0.50	0.40	0.40	0.30	Trong khoảng 0,2-1,0	Đạt
4.	Độ đục (NTU)	0.28	0.29	0.29	0.29	2	Đạt
5.	Màu sắc (TCU)	8	9	9	9	15	Đạt
6.	Mùi, vị	Không	Không	Không	Không	Không có mùi, vị lạ	Đạt
7.	pH	7.9	8.0	8.0	8.2	Trong khoảng 6,0- 8,5	Đạt

- Dấu (*) chỉ áp dụng cho đơn vị cấp nước khai thác nước ngầm.

- Dấu (**) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.

Kết quả phân tích các chỉ tiêu trên đạt kết quả theo tiêu chuẩn, quy chuẩn Bộ y tế:

QCVN 01-1:2018/BYT và thông tư 41:2018/BYT

D. CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC (nếu có): Không

D. ĐỀ NGHỊ: Không



Phủ Thọ, ngày 05 tháng 04 năm 2023

Người kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Đức Thắng

Số lượng đơn vị tính	Mã hàng, tên quy định của cơ quan	Mô tả chi tiết hàng hóa
01	01	Hàng hóa nhập khẩu
02	02	Hàng hóa xuất khẩu
03	03	Hàng hóa lưu kho
04	04	Hàng hóa vận chuyển
05	05	Hàng hóa khác

MẪU SỐ 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

**BÁO CÁO****Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch**

(Dùng cho đơn vị cấp nước trong từng lần nội kiểm)

A. THÔNG TIN CHUNG

- Tên đơn vị cấp nước: Xí nghiệp cấp nước Phù Ninh.
- Địa chỉ: Khu 10 - Thị Trấn Phong Châu – Huyện Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ.
- Công suất thiết kế: 10.000 m³/ngđ / Tổng số HGD được cung cấp nước: 13.302 khách hàng
- Nguồn nước nguyên liệu (ghi cụ thể): Nước mặt- Sông Lô.
- Thời gian kiểm tra: ngày 04 tháng 4 năm 2023.
- Người kiểm tra: Hà Thị Mai
- Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:
 Mẫu 1: Bể chứa xí nghiệp cấp nước Phù Ninh.
 Mẫu 2: Ông Thái – Khu 3 – Trị Quận – Phù Ninh.
 Mẫu 3: Bà Linh – Khu Đường Nam - Thị trấn Phong Châu - Phù Ninh.
 Mẫu 4: Bà Trang – khu 1 – Bình Bộ - Phù Ninh.

B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Sổ theo dõi, sổ quản lý dữ liệu, phiếu đánh giá chất lượng.

C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu Các thông số	1	2	3	4	Giới hạn tối đa cho phép	Đánh giá (đạt/không đạt)
2.	E.Coli hoặc Conliform chịu nhiệt (CFU/100 mL)	KPH	KPH	KPH	KPH	<1	Đạt
3.	Clo dư tự do (**) (mg/L)	0.61	0.20	0.27	0.22	Trong khoảng 0,2-1,0	Đạt
4.	Độ đục (NTU)	0.24	0.3	0.28	0.29	2	Đạt
5.	Màu sắc (TCU)	4.2	4.5	4.28	4.42	15	Đạt
6.	Mùi, vị	Không	Không	Không	Không	Không có mùi, vị lạ	Đạt
7.	pH	7.0	7.15	7.18	7.1	Trong khoảng 6,0- 8,5	Đạt

- Dấu (*) chỉ áp dụng cho đơn vị cấp nước khai thác nước ngầm.

- Dấu (**) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.

Kết quả phân tích các chỉ tiêu trên đạt kết quả theo tiêu chuẩn, quy chuẩn Bộ y tế:

QCVN01-1:2018/BYT và thông tư 41/Bộ y tế

D. CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC (nếu có): Không

Đ. ĐỀ NGHỊ: Không

Phù Ninh, ngày 04 tháng 04 năm 2023

Người kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ tên)

Mai

Hà Thị Mai

**BÁO CÁO****Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch**

(Dùng cho đơn vị cấp nước trong từng lần nội kiểm)

A. THÔNG TIN CHUNG

- Tên đơn vị cấp nước: Xí nghiệp nước sạch Việt Trì.
- Địa chỉ: Khu 1- Phường Dữu Lâu- Thành phố Việt Trì- Tỉnh Phú Thọ.
- Công suất thiết kế: 80.000 m³/ngđ / Tổng số HGD được cung cấp nước: 57.320 khách hàng
- Nguồn nước nguyên liệu (ghi cụ thể): Nước mặt- Sông Lô.
- Thời gian kiểm tra: ngày 07 tháng 04 năm 2023.
- Người kiểm tra: Nguyễn Thị Tuyền.
- Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:

Mẫu 1: Bể chứa XNNS –Việt Trì**Mẫu 2:** Ông Lương – Khu 6 – Thụy Vân.**Mẫu 3:** Ông Hưng – Khu 2 – Bến Gót.**Mẫu 4:** Trạm Y tế Vân Phú – Vân Phú - Việt Trì.**B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC**

- Sổ theo dõi, sổ quản lý dữ liệu, phiếu đánh giá chất lượng.

C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu Các thông số	1	2	3	4	Giới hạn tối đa cho phép	Đánh giá (đạt/không đạt)
2.	E.Coli hoặc Conliform chịu nhiệt (CFU/100 mL)	KPH	KPH	KPH	KPH	<1	Đạt
3.	Clo dư tự do (**) (mg/L)	0.57	0.20	0.25	0.28	0,2-1,0	Đạt
4.	Độ đục (NTU)	0.17	0.25	0.28	0.24	2	Đạt
5.	Màu sắc (TCU)	4.2	4.5	4.3	4.45	15	Đạt
6.	Mùi, vị	không	không	Không	Không	Không có mùi, vị lạ	Đạt
7.	pH	7.5	7.6	7.45	7.5	6,0-8,5	Đạt

- Dấu (*) chỉ áp dụng cho đơn vị cấp nước khai thác nước ngầm.

- Dấu (**) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.

Kết quả phân tích các chỉ tiêu trên đạt kết quả theo tiêu chuẩn, quy chuẩn Bộ y tế:

QCVN01-1:2018/BYT và thông tư 41/Bộ y tế

D. CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC (nếu có): Không

Đ. ĐỀ NGHỊ: Không

Việt Trì, ngày 07 tháng 04 năm 2023

Người kiểm tra

(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thị Tuyền

MẪU SỐ 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế)



BÁO CÁO

Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch

(Dùng cho đơn vị cấp nước trong từng lần nội kiểm)

A. THÔNG TIN CHUNG

- Tên đơn vị cấp nước: Xí nghiệp nước sạch Việt Trì.
- Địa chỉ: Khu 1- Phường Dữu Lâu- Thành phố Việt Trì- Tỉnh Phú Thọ.
- Công suất thiết kế: 80.000 m³/ngđ / Tổng số HGD được cung cấp nước: 57.320 khách hàng.
- Nguồn nước nguyên liệu (ghi cụ thể): Nước mặt- Sông Lô.
- Thời gian kiểm tra: ngày 18 tháng 04 năm 2023.
- Người kiểm tra: Nguyễn Thị Tuyền.
- Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:

Mẫu 1: Bể chứa XNNS –Việt Trì.

Mẫu 2: Ông Hòa – Khu 8 – Trung Vương.

Mẫu 3: Bà Phương – khu 21 - Gia Cẩm.

Mẫu 4: Trường tiểu học Tân Dân - Việt Trì.

B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Sổ theo dõi, sổ quản lý dữ liệu, phiếu đánh giá chất lượng.

C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu Các thông số	1	2	3	4	Giới hạn tối đa cho phép	Đánh giá (đạt/không đạt)
1.	Coliform (CFU/100 ml)	KPH	KPH	KPH	KPH	<3	Đạt
2.	E.Coli hoặc Conliform chịu nhiệt (CFU/100 mL)	KPH	KPH	KPH	KPH	<1	Đạt
3.	Clo dư tự do (**) (mg/L)	0.58	0.39	0.40	0.28	0,2-1,0	Đạt
4.	Độ đục (NTU)	0.22	0.23	0.24	0.26	2	Đạt
5.	Màu sắc (TCU)	4.0	4.2	4.5	5.0	15	Đạt
6.	Mùi, vị	không	không	Không	Không	Không có mùi, vị lạ	Đạt
7.	pH	7.5	7.55	7.58	7.62	6,0-8,5	Đạt

- Dấu (*) chỉ áp dụng cho đơn vị cấp nước khai thác nước ngầm.

- Dấu (**) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.

Kết quả phân tích các chỉ tiêu trên đạt kết quả theo tiêu chuẩn, quy chuẩn Bộ y tế:
QCVN01-1:2018/BYT và thông tư 41/Bộ y tế

D. CÁC BIỆN PHÁP KHÁC PHỤC (nếu có): Không

Đ. ĐỀ NGHỊ: Không

Việt Trì, ngày 18 tháng 04 năm 2023

Người kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thị Tuyền

**BÁO CÁO****Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch**

(Dùng cho đơn vị cấp nước trong từng lần nội kiểm)

A. THÔNG TIN CHUNG

- Tên đơn vị cấp nước: Xí nghiệp nước sạch Việt Trì.
- Địa chỉ: Khu 1- Phường Dữu Lâu- Thành phố Việt Trì- Tỉnh Phú Thọ.
- Công suất thiết kế: 80.000 m³/ngđ. Tổng số HGD được cung cấp nước: 57.320 khách hàng.
- Nguồn nước nguyên liệu (ghi cụ thể): Nước mặt- Sông Lô.
- Thời gian kiểm tra: ngày 28 tháng 04 năm 2023.
- Người kiểm tra: Nguyễn Thị Tuyền.
- Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:

Mẫu 1: Bể chứa XNNS –Việt Trì.**Mẫu 2:** Bà Nguyễn Thị Huệ- Khu 5- Hùng Lô.**Mẫu 3:** Ông Nguyễn Văn Hưng- khu Hồng Hà- Bến Gót.**Mẫu 4:** Trường mầm non Hoa Hồng- Tân Dân - Việt Trì.**B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC**

- Sổ theo dõi, sổ quản lý dữ liệu, phiếu đánh giá chất lượng.

C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu Các thông số	1	2	3	4	Giới hạn tối đa cho phép	Đánh giá (đạt/không đạt)
1.	Coliform (CFU/100 ml)	KPH	KPH	KPH	KPH	<3	Đạt
2.	E.Coli hoặc Conliform chịu nhiệt (CFU/100 mL)	KPH	KPH	KPH	KPH	<1	Đạt
3.	Clo dư tự do (**) (mg/L)	0,62	0,50	0,40	0,22	0,2-1,0	Đạt
4.	Độ đục (NTU)	0,22	0,24	0,24	0,26	2	Đạt
5.	Màu sắc (TCU)	4,00	4,20	4,50	4,80	15	Đạt
6.	Mùi, vị	Không	Không	Không	Không	Không có mùi, vị lạ	Đạt
7.	pH	7,50	7,54	7,56	7,62	6,0-8,5	Đạt

- Dấu (*) chỉ áp dụng cho đơn vị cấp nước khai thác nước ngầm.

- Dấu (**) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.

Kết quả phân tích các chỉ tiêu trên đạt kết quả theo tiêu chuẩn, quy chuẩn Bộ y tế:
QCVN01-1:2018/BYT và thông tư 41/Bộ y tế.

D. CÁC BIỆN PHÁP KHÁC PHỤC (nếu có): Không

Đ. ĐỀ NGHỊ: Không

Việt Trì, ngày 28 tháng 04 năm 2023

Người kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thị Tuyên

MẪU SỐ 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

**BÁO CÁO****Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch**

(Dùng cho đơn vị cấp nước trong từng lần nội kiểm)

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên đơn vị cấp nước: Xí nghiệp cấp nước Yên Lập.
2. Địa chỉ: Thôn Móc Thiều- Xã Thượng Long- Huyện Yên Lập- Tỉnh Phú Thọ.
3. Công suất thiết kế: 2.000 m³/ngđ / Tổng số HGD được cung cấp nước: 1.196 khách hàng
4. Nguồn nước nguyên liệu (ghi cụ thể): Nước mặt- Hồ Ly.
5. Thời gian kiểm tra: ngày 06 tháng 04 năm 2023.

6. Người kiểm tra: Nguyễn Thị Tuyết Nhung.

7. Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:

Mẫu 1: Bể chứa xí nghiệp cấp nước Yên Lập.

Mẫu 2: Nhà hàng Hưng Long – Hưng Long - Yên Lập.

Mẫu 3: Công ty may- Khu công nghiệp- Yên Lập.

Mẫu 4: Quầy thuốc Thúy Nga – Đồng Thịnh - Yên Lập.

B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Sổ theo dõi, sổ quản lý dữ liệu, phiếu đánh giá chất lượng.

C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu Các thông số	1	2	3	4	Giới hạn tối đa cho phép	Đánh giá (đạt/không đạt)
2.	E.Coli hoặc Conliform chịu nhiệt (CFU/100 mL)	KPH	KPH	KPH	KPH	<1	Đạt
3.	Clo dư tự do (**) (mg/L)	0,60	0,20	0,20	0,20	Trong khoảng 0,2-1,0	Đạt
4.	Độ đục (NTU)	0.25	0.37	0.31	0.4	2	Đạt
5.	Màu sắc (TCU)	4.50	5.70	5.42	5.80	15	Đạt
6.	Mùi, vị	Không	Không	Không	Không	Không có mùi, vị lạ	Đạt
7.	pH	6,82	7,3	7,38	7,5	Trong khoảng 6,0- 8,5	Đạt

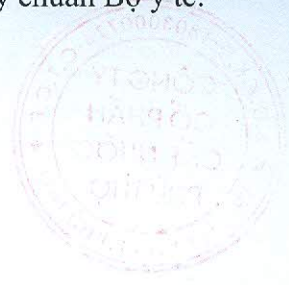
- Dấu (*) chỉ áp dụng cho đơn vị cấp nước khai thác nước ngầm.

- Dấu (**) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.

Kết quả phân tích các chỉ tiêu trên đạt kết quả theo tiêu chuẩn, quy chuẩn Bộ y tế:
QCVN 01-1:2018/BYT và thông tư 41:2018/BYT

D. CÁC BIỆN PHÁP KHÁC PHỤC (nếu có): Không

Đ. ĐỀ NGHỊ: Không



Yên Lập, ngày 06 tháng 04 năm 2023

Người kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ tên)

Nhung

Nguyễn Thị Tuyết Nhung



